TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 8 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

2. Ông Nguyễn Văn Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị T; sinh năm: 1995. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ (Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ).

2. Bị đơn: Anh Mai Việt H; sinh năm: 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ (Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị T trình bày:

- Chị Thị T và anh Mai Việt H kết hôn vào năm 2013. Hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 69 ngày 11/7/2013. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ, chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ, chồng không hòa giải, hàn gắn để đoàn tụ. Do hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Mai Việt H.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 (một) con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Về con chung, chị T yêu cầu giao con chung là cháu Mai Phúc T1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Mai Việt H trình bày:

- Anh Mai Việt H và chị Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như lời trình bày của chị Thị T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay chị Thị T yêu cầu ly hôn thì anh H không thống nhất vì lý do mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, anh H vẫn còn thương vợ và con còn nhỏ tuổi, anh H không muốn ảnh hưởng đến con nên không muốn ly hôn.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 (một) con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020. Do anh H không đồng ý ly hôn với chị Thị T nên anh H không có ý kiến, yêu cầu về con chung. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do anh H không đồng ý ly hôn với chị Thị T nên anh H không có ý kiến, yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Anh H sẽ có ý kiến, yêu cầu sau nếu có phát sinh. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu về quan hệ hôn nhân. Về con chung, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Phúc T1 và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn, Căn cước công dân của nguyên đơn (bản photo), Đơn xin xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy khai sinh của con chung (bản sao).

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của bị đơn, Căn cước công dân của bị đơn (bản phô tô).

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh ngày 14/7/2025.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Thị T và anh Mai Việt H đăng ký kết hôn ngày 11/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ, chồng chị Thị T và anh Mai Việt H có 01 (một) con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

- Về con chung: Vợ, chồng chị Thị T và anh Mai Việt H có 01 (một) con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Phúc T1 và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Anh H không đồng ý ly hôn với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị T và anh Mai Việt H ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020 cho anh Mai Việt H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng; cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là xã V, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và quan hệ pháp luật tranh chấp xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Mai Việt H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 69 ngày 11/7/2013. Xét thấy việc kết hôn của chị T và anh H tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Bị đơn anh H thừa nhận trong quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên và tạo điều kiện để vợ, chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh H. Xét thấy, mặc dù anh H không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh H cũng thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc và vợ, chồng đã ly thân trong thời gian dài. Từ đó cho thấy giữa chị T và anh H đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị T và anh H ly hôn.

[4] Về con chung: Vợ, chồng chị Thị T và anh Mai Việt H có 01 (một) con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020. Chị T và anh H thống nhất thỏa thuận trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T1. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận. Sau khi ly hôn, chị T có nghĩa vụ, quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; anh H có nghĩa vụ, quyền của người trực tiếp nuôi con đối với chị T theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Chị T và anh H thống nhất thỏa thuận trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng thì chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung. Về phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân hkhu vực 11 - Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị T và anh Mai Việt H ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020 cho anh Mai Việt H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Mai Phúc T1, sinh ngày 28/4/2020 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng đối với mỗi con chung; cấp dưỡng hàng tháng; thời

gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), bao gồm: Án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009095 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Thị T phải nộp thêm số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Võ Thị Ánh Trúc